

Bản án số: 994/2017/DS-PT  
Ngày: 07/11/2017  
V/v tranh chấp  
về đòi tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà **Phạm Thị Hằng**

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Trịnh Thị Ánh
2. Ông Dương Tuấn Vinh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mộng Linh, Kiểm sát viên.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Phương, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2017/DSPT ngày 02/10/2017 về vụ án dân sự “Tranh chấp về đòi tài sản”;

Do bản án số 389/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2258/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị B**, sinh năm 1952  
Địa chỉ: 294/9A X, Phường Y, quận Bình Thạnh;  
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Trương Hoài N; theo Giấy ủy quyền ngày 20/7/2017 tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1952  
Địa chỉ: 41/86/62 ấp A, xã Đ, huyện Hóc Môn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2016 của bà Bùi Thị B cùng các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thì nội dung vụ án như sau:

Bà Bùi Thị B cho bà Nguyễn Thị N vay nhiều lần tiền nhưng không làm giấy tờ. Ngày 10/4/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường 21, quận Bình Thạnh, bà N thừa nhận vay của Bà B số tiền 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng). Bà N xin trả cho Bà B mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Từ ngày 03/5/2012 đến tháng 04/2016 bà N trả cho Bà B được 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng). Do bà N không trả tiền nên Bà B khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền còn thiếu là 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị N thừa nhận có thiếu của bà Bùi Thị B số tiền 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng) nhưng đã trả được 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng). Số tiền còn thiếu là 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng). Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần số nợ trên.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 389/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, đã tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị B số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền nêu trên cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.050.000 đồng (hai triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị B số tiền 1.325.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009042 ngày 27/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 25/8/2017, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị N cho rằng chỉ thiếu bà Bùi Thị B 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) chứ không phải 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy

triệu đồng). Số tiền bà đã trả cho Bà B vượt quá số tiền nợ, nên bà không đồng ý trả tiền cho Bà B như án sơ thẩm đã tuyên.

- Bà Nguyễn Trương Hoài N đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị B yêu cầu y án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không hòa giải được với nhau và giữ nguyên yêu cầu như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo lời khai thống nhất của các bên đương sự tại Biên bản hòa giải ngày 10/4/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường 21, quận Bình Thạnh cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Bà Nguyễn Thị N vay của bà Bùi Thị B số tiền 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng).

Tại buổi hòa giải tại Ủy ban nhân dân Phường 21, quận Bình Thạnh, bà N hứa trả cho Bà B số nợ trên bằng hình thức trả dần 500.000 đồng/tháng.

Bà B cho rằng số tiền bà N chưa trả là 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng), nên bà khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền còn thiếu đó.

Bà N cho rằng đã trả cho Bà B số tiền là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng), chỉ còn thiếu 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Trương Hoài N đại diện theo ủy quyền của Bà B thống nhất phần trình bày của bà N và thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định số tiền bà N còn thiếu của Bà B là 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng).

Án sơ thẩm đã buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị B số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng) là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng bà chỉ thiếu bà Bùi Thị B 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) chứ không phải 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng). Số tiền bà đã trả cho Bà B vượt quá số tiền nợ, nên bà không đồng ý trả tiền cho Bà B như án sơ thẩm đã tuyên.

Bà N yêu cầu như vậy nhưng bà N không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghị nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
khoản 1 Điều 30; Điều 5 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 2; 6; 7; 9; 30 Luật Thi hành án dân sự;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N .

**2.** Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 389/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Bùi Thị B số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền nêu trên cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.050.000 đồng (hai triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị B số tiền 1.325.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009042 ngày 27/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

**3.** Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị N phải chịu, được trừ vào 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0032625, ngày 28/9/2017 và biên lai số 0032578; ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký và đóng dấu)**

**Phạm Thị Hằng**